

**CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN
SHINHAN VIỆT NAM**

Số: 04/2021/CBTT/SSV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

---o0o---

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng Khoán Tp Hồ Chí Minh
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Công ty: CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN SHINHAN VIỆT NAM

Mã chứng khoán: không có

Trụ sở chính: Phòng 2201, Lầu 22 và Phòng 805, Lầu 08, Tòa nhà Centec, 72-74 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3, Tp Hồ Chí Minh

Điện thoại: 028 6299 8000 Fax: 028 6299 4232

Người thực hiện công bố thông tin: Ông HAN BOKHEE - Chủ tịch Hội đồng thành viên

Địa chỉ: Phòng 2201, Lầu 22, Tòa nhà Centec, 72-74 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3, Tp Hồ Chí Minh

Điện thoại (Cơ quan): 028 6299 8000 Fax: 028 62994232

Loại thông tin công bố: 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

- Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán và Công văn giải trình kết quả hoạt động kinh doanh.
- Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán.

Địa chỉ trang thông tin điện tử đăng tải toàn bộ báo cáo:

<https://shinhansec.com.vn/tin/ssv-vn-278.html>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Ngày 30 tháng 03 năm 2021

Đại diện tổ chức



HAN BOKHEE

Chủ tịch Hội đồng thành viên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN SHINHAN VIỆT NAM

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020
(đã được kiểm toán)



CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN SHINHAN VIỆT NAM

Phòng 2201, lầu 22 và Phòng 805, lầu 08 tòa nhà Centec, 72-74
Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06-41
Báo cáo tình hình tài chính	06-09
Báo cáo kết quả hoạt động	10-11
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	12-14
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	15
Thuyết minh Báo cáo tài chính	16-41

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN SHINHAN VIỆT NAM

Phòng 2201, lầu 22 và Phòng 805, lầu 08 tòa nhà Centec, 72-74
Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020.

CÔNG TY

Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam (tiền thân là Công ty Cổ phần Chứng khoán Nam An) là doanh nghiệp 100% vốn đầu tư nước ngoài được sở hữu bởi Shinhan Investment Corp (Hàn Quốc). Công ty được thành lập và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 123/GP-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 04 tháng 02 năm 2016 và điều chỉnh lần 04 với số giấy phép điều chỉnh là 49/GPĐC-UBCK ngày 11/08/2020 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật.

Trụ sở của Công ty tại: Phòng 2201, lầu 22 và Phòng 805, lầu 08 tòa nhà Centec, 72-74 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Thành viên trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Han Bok Hee	Chủ tịch
Ông Kim JaeHyun	Thành viên
Ông Yang SeungWon	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Han Bok Hee	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 14/08/2020
Ông Kwon Hyuk Jun	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 14/08/2020
Ông Kang Sang In	Phó Tổng Giám đốc	

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Lee Kyu Sub	Trưởng ban
Ông Nguyễn Thanh Phú	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN SHINHAN VIỆT NAM

Phòng 2201, lầu 22 và Phòng 805, lầu 08 tòa nhà Centec, 72-74
Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh

- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định pháp lý của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Công ty tuân thủ Thông tư 210/2012/TT-BTC ngày 30/11/2012 hướng dẫn thành lập và hoạt động công ty chứng khoán, được sửa đổi bởi Thông tư 07/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 và không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Han Bok Hee
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 03 năm 2021

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Hội đồng Thành viên và Ban Tổng Giám đốc
Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam được lập ngày 07 tháng 03 năm 2021, từ trang 06 đến trang 41, bao gồm: Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Biển

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2018-002-1

Đặng Huy Hoàng

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 4461-2018-002-1

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2021

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN SHINHAN VIỆT NAM

Phòng 2201, lầu 22 và Phòng 805, lầu 08 tòa nhà Centec,
72-74 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3,
TP.Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.352.080.046.237	753.727.169.789
110	I. Tài sản tài chính		1.348.022.438.303	751.261.104.143
111	1. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	89.748.102.134	213.143.306.701
111.1	1.1 Tiền		89.748.102.134	11.143.306.701
111.2	1.2 Các khoản tương đương tiền		-	202.000.000.000
112	2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	5	724.007.789.800	426.005.870.550
113	3. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	5	100.000.000.000	100.000.000.000
114	4. Các khoản cho vay	5	406.106.533.079	-
117	5. Các khoản phải thu	6	27.784.503.339	11.936.394.546
117.2	5.1 Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		27.784.503.339	11.936.394.546
117.4	5.1.1 Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận		27.784.503.339	11.936.394.546
118	6. Trả trước cho người bán		192.633.875	99.509.375
119	7. Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	6	182.876.076	76.022.971
130	II. Tài sản ngắn hạn khác		4.057.607.934	2.466.065.646
131	1. Tạm ứng		-	1.079.664.543
132	2. Vật tư văn phòng, công cụ, dụng cụ	7	253.560.000	253.560.000
133	3. Chi phí trả trước ngắn hạn	8	1.219.599.520	1.132.841.103
134	4. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	9	339.448.000	-
136	5. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	10	2.245.000.414	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		125.575.689.646	150.436.520.557
210	I. Tài sản tài chính dài hạn		105.160.443.113	130.280.109.589
212	1. Các khoản đầu tư	11	105.160.443.113	130.280.109.589
212.1	1.1 Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		60.000.000.000	130.280.109.589
212.4	1.2 Đầu tư dài hạn khác		45.160.443.113	-
220	II. Tài sản cố định		17.860.051.074	18.785.897.097
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	11.615.700.499	10.916.367.058
222	- Nguyên giá		28.660.419.979	25.135.622.049
223a	- Giá trị hao mòn lũy kế		(17.044.719.480)	(14.219.254.991)
227	2. Tài sản cố định vô hình	13	6.244.350.575	7.869.530.039
228	- Nguyên giá		14.651.775.600	14.651.775.600
229a	- Giá trị hao mòn lũy kế		(8.407.425.025)	(6.782.245.561)
250	V. Tài sản dài hạn khác		2.555.195.459	1.370.513.871
251	1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	9	1.097.880.000	531.780.000
252	2. Chi phí trả trước dài hạn	8	1.130.237.367	544.499.488
254	3. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán		327.078.092	294.234.383
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.477.655.735.883	904.163.690.346

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN SHINHAN VIỆT NAM

Phòng 2201, lầu 22 và Phòng 805, lầu 08 tòa nhà Centec,
72-74 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3,
TP.Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020**(tiếp theo)*

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		546.967.071.563	6.096.555.844
310	I. Nợ phải trả ngắn hạn		546.967.071.563	6.096.555.844
311	1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	14	544.386.404.578	-
312	1.1 Vay ngắn hạn		544.386.404.578	-
318	2. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	15	175.651.287	26.825.222
320	3. Phải trả người bán ngắn hạn	16	716.375.641	360.986.302
322	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	654.191.244	5.114.986.628
324	5. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		-	8.835.328
325	6. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	1.016.493.778	302.533.993
326	7. Phải trả nội bộ ngắn hạn		17.955.035	17.955.035
327	8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		-	144.433.336
329	9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		-	120.000.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		930.688.664.320	898.067.134.502
410	I. Vốn chủ sở hữu	19	930.688.664.320	898.067.134.502
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		812.600.000.000	812.600.000.000
411.1	1.1 Vốn góp của chủ sở hữu		812.600.000.000	812.600.000.000
414	2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		5.363.514.492	3.732.438.001
415	3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		5.363.514.492	3.732.438.001
417	4. Lợi nhuận chưa phân phối		107.361.635.336	78.002.258.500
417.1	4.1 Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		107.359.500.892	77.995.724.892
417.2	4.2 Lợi nhuận chưa thực hiện		2.134.444	6.533.608
440	TỔNG CỘNG NỢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.477.655.735.883	904.163.690.346

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN SHINHAN VIỆT NAM

Phòng 2201, lầu 22 và Phòng 805, lầu 08 tòa nhà Centec,
72-74 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3,
TP.Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
	A. TÀI SẢN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT			
005	1. Ngoại tệ các loại		54.072	95.333
008	2. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của công ty chứng khoán	20	312	286
	B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG			
021	1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư	21	764.259.040.000	191.487.540.000
021.1	a. Tài sản tài chính giao dịch dự do chuyển nhượng		747.335.740.000	191.458.540.000
021.4	b. Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ		10.000.000.000	-
021.5	c. Tài sản tài chính chờ thanh toán		6.923.300.000	29.000.000
022	2. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	22	250.192.460.000	250.000.000.000
022.1	a. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng		32.460.000	-
022.2	b. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng		250.160.000.000	250.000.000.000
023	3. Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư	23	6.524.100.000	42.400.000

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN SHINHAN VIỆT NAM


Phòng 2201, lầu 22 và Phòng 805, lầu 08 tòa nhà Centec,
72-74 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3,
TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020


CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
026	4. Tiền gửi của khách hàng	24	24.246.199.645	956.486.605
027	4.1 Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		11.092.795.645	914.883.388
028	4.2 Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng		873.863.000	23.905.716
029	4.3 Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán		12.279.541.000	17.697.501
029.1	a. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán Nhà đầu tư trong nước		10.705.049.000	3.980.000
029.2	b. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán Nhà đầu tư nước ngoài		1.574.492.000	13.717.501
031	5. Phải trả Nhà đầu tư về tiền giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	25	24.241.965.305	952.252.265
031.1	5.1 Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		19.465.951.066	51.228.573
031.2	5.2 Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		4.776.014.239	901.023.692
035	6. Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	26	4.234.340	4.234.340


Phạm Thị Ngọc Nga
Người lập


Phạm Thị Ngọc Nga
Kế toán trưởng




Han Bok Hee
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 03 năm 2021

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN SHINHAN VIỆT NAM

Phòng 2201, lầu 22 và Phòng 805, lầu 08 tòa nhà Centec,
72-74 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3,
TP.Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Năm 2020

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019	
			VND	VND	
I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG					
01	1.1	Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	48.040.353.593	47.648.252.000	
01.1	a.	Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	28.a)	3.702.000.000	1.500.000.000
01.2	b.	Chênh lệch tăng về đánh giá lại các TSTC FVTPL		3.075.900	690.300
01.3	c.	Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	28.b)	44.335.277.693	46.147.561.700
02	1.2	Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	28.b)	20.596.876.807	21.587.096.478
03	1.3	Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	28.b)	9.515.115.795	-
06	1.4	Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	28.c)	15.132.172.518	3.565.553.523
07	1.5	Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	28.d)	200.000.000	-
08	1.6	Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	28.d)	2.304.594.801	12.949.889.265
09	1.7	Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	28.c)	163.258.941	69.768.000
10	1.8	Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	28.d)	16.082.877.242	37.033.611.083
11	1.9	Thu nhập hoạt động khác		20.513.938	15.293.003
20	Cộng doanh thu hoạt động		112.055.763.635	122.869.463.352	
II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG					
21	2.1	Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)		1.156.650	603.050
21.2	b.	Chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL		1.156.650	603.050
24	2.2	Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay		3.832.778.482	-
27	2.3	Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	29.a)	12.199.607.575	8.966.833.355
29	2.4	Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	29.b)	2.248.499.195	-
30	2.5	Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán		212.536.168	83.451.519
31	2.6	Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	29.b)	15.691.407.666	13.540.570.682
40	Cộng chi phí hoạt động		34.185.985.736	22.591.458.606	
III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH 30					
41	3.1	Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện		63.514.472	48.545.067
42	3.2	Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định		31.594.400	13.038.126
50	Cộng doanh thu hoạt động tài chính		95.108.872	61.583.193	

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN SHINHAN VIỆT NAM

Phòng 2201, lầu 22 và Phòng 805, lầu 08 tòa nhà Centec,
72-74 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3,
TP.Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính


Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG


Năm 2020

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
	IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH	31		
51	4.1 Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện		21.789.183	29.698.197
52	4.2 Chi phí lãi vay		5.683.199.655	7.024.347.201
60	Cộng chi phí tài chính		5.704.988.838	7.054.045.398
62	VI. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	32	34.133.350.335	19.240.381.445
70	VII. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG		38.126.547.598	74.045.161.096
	VIII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC			
71	8.1 Thu nhập khác		3.933	123.631
72	8.2 Chi phí khác	33	81.983.505	153.273.912
80	Cộng kết quả hoạt động khác		(81.979.572)	(153.150.281)
90	IX. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ		38.044.568.026	73.892.010.815
91	9.1 Lợi nhuận đã thực hiện		38.042.648.776	73.887.831.449
92	9.2 Lợi nhuận chưa thực hiện		1.919.250	4.179.366
100	X. CHI PHÍ THUẾ TNDN	34	5.423.038.208	14.942.905.161
100.1	10.1 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		5.423.038.208	14.942.905.161
200	XI. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN		32.621.529.818	58.949.105.654




Phạm Thị Ngọc Nga
Người lập


Phạm Thị Ngọc Nga
Kế toán trưởng


Han Bok Hee
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 03 năm 2021

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN SHINHAN VIỆT NAM

Phòng 2201, lầu 22 và Phòng 805, lầu 08 tòa nhà Centec,
72-74 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3,
TP.Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2020

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	1. Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp		38.044.568.026	73.892.010.815
02	2. Điều chỉnh cho các khoản		10.102.249.208	11.270.246.084
03	- Khấu hao tài sản cố định		4.450.643.953	4.225.665.426
06	- Chi phí lãi vay		5.683.199.655	7.024.347.201
07	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(31.594.400)	20.233.457
10	3. Tăng các chi phí phi tiền tệ		1.156.650	603.050
11	- Lỗ đánh giá giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL		1.156.650	603.050
18	4. Giảm các doanh thu phi tiền tệ		(3.075.900)	(690.300)
19	- Lãi đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL		(3.075.900)	(690.300)
30	5. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(667.272.860.486)	231.555.692.810
31	- Tăng (giảm) tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL		(298.000.000.000)	255.000.000.000
32	- Tăng (giảm) các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)		70.280.109.589	-
33	- Tăng (giảm) các khoản cho vay		(406.106.533.079)	-
36	- (-) Tăng, (+) giảm phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		(15.848.108.793)	(2.810.158.909)
37	- (-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp		(106.853.105)	252.920.326
40	- Tăng (giảm) các tài sản khác		1.046.820.834	(189.828.315)
41	- Tăng (giảm) chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)		261.366.842	133.278.362
42	- Tăng (giảm) chi phí trả trước		(672.496.296)	(156.824.107)
43	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(11.484.129.911)	(14.649.330.625)
44	- Lãi vay đã trả		(5.230.606.712)	(7.139.360.900)
45	- Tăng, (giảm) phải trả cho người bán		262.264.839	360.986.302
46	- Tăng, (giảm) các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		(8.835.328)	8.835.328
47	- Tăng, (giảm) thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (không bao gồm thuế TNDN)		(644.704.095)	465.850.144
50	- Tăng, (giảm) phải trả, phải nộp khác		(115.607.271)	279.325.204
52	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(905.548.000)	-
60	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(619.127.962.502)	316.717.862.459

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN SHINHAN VIỆT NAM

Phòng 2201, lầu 22 và Phòng 805, lầu 08 tòa nhà Centec,
72-74 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3,
TP.Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2020


(Theo phương pháp gián tiếp)


Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
61	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư và các tài sản khác		(3.524.797.930)	(318.175.000)
63	2. Tiền chi đầu tư vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết và đầu tư khác		(45.160.443.113)	-
65	3. Tiền thu về cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn		31.594.400	13.038.126
70	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(48.653.646.643)	(305.136.874)
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
73	1. Tiền vay gốc		1.296.749.362.864	503.137.931.034
73.2	1.1 Tiền vay khác		1.296.749.362.864	503.137.931.034
74	2 Tiền chi trả nợ gốc vay		(752.362.958.286)	(622.137.931.034)
74.3	2.1 Tiền chi trả gốc nợ vay khác		(752.362.958.286)	(622.137.931.034)
80	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		544.386.404.578	(119.000.000.000)
90	IV. Tăng (giảm) tiền thuần trong năm		(123.395.204.567)	197.412.725.585
101	V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		213.143.306.701	15.730.581.116
101.1	- Tiền		11.143.306.701	15.730.581.116
101.2	- Các khoản tương đương tiền		202.000.000.000	-
103	VI. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	4	89.748.102.134	213.143.306.701
103.1	- Tiền		89.748.102.134	11.143.306.701
103.2	- Các khoản tương đương tiền		-	202.000.000.000


PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

Năm 2020

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
	I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng			
01	1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng		771.716.255.121	24.407.593.400
02	2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng		(1.452.054.207.080)	(29.091.942.500)
07	3. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		3.423.791.347.295	25.026.330.816
08	4. Chi trả thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		(2.720.163.682.296)	(19.814.096.954)
14	5. Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán		36.932.828.695	545.053.830
15	6. Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán		(36.932.828.695)	(545.055.530)
20	Tăng/giảm tiền thuần trong năm		23.289.713.040	527.883.062
30	II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng		956.486.605	428.603.543
31	Tiền gửi ngân hàng đầu năm:		956.486.605	428.603.543
32	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		914.883.388	346.538.543
33	- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng		23.905.716	32.295.000
34	- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán		17.697.501	49.770.000
40	III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng	24	24.246.199.645	956.486.605
41	Tiền gửi ngân hàng cuối năm:		24.246.199.645	956.486.605
42	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		11.092.795.645	914.883.388
43	- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng		873.863.000	23.905.716
44	- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán		12.279.541.000	17.697.501


Phạm Thị Ngọc Nga
Người lập


Phạm Thị Ngọc Nga
Kế toán trưởng


Han Bok Hee
Tổng Giám đốc



Tp. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 03 năm 2021

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN SHINHAN VIỆT NAM

Phòng 2201, lầu 22 và Phòng 805, lầu 08 tòa nhà Centec, 72-74 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Năm 2020

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm		Số dư cuối năm			
		01/01/2019		01/01/2020		Năm 2019		Năm 2020	
		VND	VND	Tăng	Giảm	Tăng	Giảm	Tăng	Giảm
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		812.600.000.000	812.600.000.000	-	-	-	-	812.600.000.000	812.600.000.000
2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		743.856.969	3.732.438.001	2.988.581.032	-	1.631.076.491	-	3.732.438.001	5.363.514.492
3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		743.856.969	3.732.438.001	2.988.581.032	-	1.631.076.491	-	3.732.438.001	5.363.514.492
4. Lợi nhuận chưa phân phối		25.030.314.910	78.002.258.500	58.952.433.346	5.980.489.756	32.627.848.232	3.268.471.396	78.002.258.500	107.361.635.336
4.1 Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		25.024.632.976	77.995.724.892	58.948.253.980	5.977.162.064	32.625.928.982	3.262.152.982	77.995.724.892	107.359.500.892
4.2 Lợi nhuận chưa thực hiện		5.681.934	6.533.608	4.179.366	3.327.692	1.919.250	6.318.414	6.533.608	2.134.444
TỔNG CỘNG		839.118.028.848	898.067.134.502	64.929.595.410	5.980.489.756	35.890.001.214	3.268.471.396	898.067.134.502	930.688.664.320

[Signature]
Phạm Thị Ngọc Ngà
Người lập

[Signature]
Phạm Thị Ngọc Ngà
Kế toán trưởng

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 03 năm 2021

[Signature]
Han Bok Hye
Tổng Giám đốc



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2020

1 . THÔNG TIN CHUNG

1.1 . Đặc điểm hoạt động của Công ty Chứng khoán

Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam (tiền thân là Công ty Cổ phần Chứng khoán Nam An) là doanh nghiệp 100% vốn đầu tư nước ngoài được sở hữu bởi Shinhan Investment Corp (Hàn Quốc). Công ty được thành lập và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 123/GP-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 04 tháng 02 năm 2016 và điều chỉnh lần 04 với số giấy phép điều chỉnh là 49/GPĐC-UBCK ngày 11/08/2020 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật.

Trụ sở của Công ty tại: Phòng 2201, lầu 22 và Phòng 805, lầu 08 tòa nhà Centec, 72-74 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 812.600.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 812.600.000.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là: 42 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là: 29 người).

1.2 . Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty gồm: Môi giới chứng khoán; Tự doanh chứng khoán; Tư vấn đầu tư chứng khoán.

1.3 . Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Năm 2019, Công ty ký và thực hiện được các hợp đồng tư vấn tài chính có mức doanh thu và tỷ suất lợi nhuận cao hơn so với năm 2020. Mặc dù năm 2020, Công ty cũng đã mở rộng hoạt động môi giới chứng khoán so với năm trước, nhưng hoạt động này có mức tỷ suất lợi nhuận không cao nên lợi nhuận trước thuế năm 2020 của Công ty bị suy giảm 48,51% so với năm 2019.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán đối với công ty chứng khoán ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán (thay thế cho Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008, Quyết định số 99/2000/QĐ-BTC ngày 13 tháng 06 năm 2000, Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010); Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ tài chính, sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210/2014/TT-BTC.

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN SHINHAN VIỆT NAM

Phòng 2201, lầu 22 và Phòng 805, lầu 08 tòa nhà Centec,
72-74 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3,
TP.Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.3 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi hoạt động của công ty chứng khoán, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn hoặc thu hồi không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Tiền gửi về bù trừ thanh toán giao dịch chứng khoán là số tiền sẵn sàng tham gia bù trừ và thanh toán của Công ty và khách hàng tại ngày T+x theo yêu cầu của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD), được mở tại Ngân hàng chỉ định để thanh toán mua, bán chứng khoán theo kết quả đã bù trừ thuần (net).

Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua bán chứng khoán được trình bày tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính (ngoại bảng).

2.4 . Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

a) Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL), các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM), các khoản cho vay và các khoản phải thu. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó, ngoại trừ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) chỉ được xác định theo giá mua/chi phí phát hành.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

b) Nguyên tắc phân loại

Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL): tài sản tài chính được phân loại theo FVTPL khi tài sản tài chính đó được nắm giữ cho mục đích mua vào, bán ra trên thị trường tài chính thông qua hoạt động nghiên cứu và phân tích với kỳ vọng sinh lời. Các loại tài sản tài chính được phân loại nhóm khác khi bán cần phân loại lại vào FVTPL.

Các tài sản tài chính FVTPL là công cụ nợ khi đáo hạn phải được chuyển sang ghi nhận là các khoản phải thu và lập dự phòng như một khoản phải thu khó đòi (nếu có).

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN SHINHAN VIỆT NAM

Phòng 2201, lầu 22 và Phòng 805, lầu 08 tòa nhà Centec,
72-74 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3,
TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

Tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM): là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được, có kỳ hạn là cố định mà Công ty có dự định tích cực và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- Các tài sản tài chính phi phái sinh mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp loại vào nhóm ghi nhận theo giá trị thông qua lãi/lỗ (FVTPL);
- Các tài sản tài chính phi phái sinh đã được Công ty xếp loại vào nhóm sẵn sàng để bán (AFS);
- Các tài sản tài chính phi phái sinh thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và các khoản phải thu.

Sau ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM) được xác định theo chi phí phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Các khoản cho vay: là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường hoàn hảo.

Các dạng cam kết cho vay được thực hiện:

- Hợp đồng giao dịch ký quỹ;
- Hợp đồng ứng trước tiền bán chứng khoán.

Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được xác định theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực, ngoại trừ: các khoản cho vay các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ; các công nợ tài chính phát sinh từ việc chuyển giao một tài sản tài chính không đủ điều kiện dừng ghi nhận hoặc khi phù hợp theo quy định về tiếp tục liên quan; các hợp đồng bảo lãnh tài chính.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua lãi/lỗ: là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Tổng Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh;
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm được ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ: là các khoản nợ phải trả tài chính không được xếp loại vào nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

c) Nguyên tắc đánh giá lại các tài sản tài chính

Việc đánh giá lại các tài sản tài chính FTVPL theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý được thực hiện theo phương pháp xác định giá trị phù hợp với quy định pháp luật. Trong trường hợp không có giá thị trường tại ngày giao dịch gần nhất, Công ty sử dụng giá trị hợp lý để đánh giá lại các tài sản tài chính. Giá trị hợp lý được xác định trên cơ sở tôn trọng nguyên tắc, phương pháp hoặc mô hình lý thuyết định giá tài sản tài chính đã được quy định tại Điều lệ hoặc Sổ tay định giá của Công ty hoặc sau khi đã được Ban Tổng Giám đốc chấp thuận bằng văn bản.

Giá trị hợp lý/giá trị thị trường của tài sản tài chính được xác định theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC như sau:

- Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại.
- Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa bình quân tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN SHINHAN VIỆT NAM

Phòng 2201, lầu 22 và Phòng 805, lầu 08 tòa nhà Centec,
72-74 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3,
TP.Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

- Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường làm cơ sở để đánh giá lại là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của ba (03) công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm đánh giá lại nhưng không quá một tháng tính đến ngày đánh giá lại.

Chênh lệch tăng hoặc giảm do đánh giá lại FVTPL được ghi nhận theo nguyên tắc không bù trừ và được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động theo 02 chỉ tiêu: chỉ tiêu "Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)" - Chi tiết "Chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ" (nếu đánh giá giảm) và chỉ tiêu "Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)" - Chi tiết "Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ" (nếu đánh giá tăng).

Các tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính. Dự phòng được trích lập cho các khoản đầu tư này khi có bằng chứng khách quan cho thấy có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được của khoản đầu tư xuất phát từ một hoặc nhiều sự kiện tổn thất xảy ra ảnh hưởng xấu lên luồng tiền tương lai dự kiến. Bằng chứng khách quan của việc suy giảm giá trị có thể bao gồm giá trị thị trường/giá trị hợp lý (nếu có) của khoản nợ bị suy giảm, các dấu hiệu về bên nợ hoặc nhóm các bên nợ đang gặp khó khăn về tài chính đáng kể, vỡ nợ hoặc trả nợ không đúng kỳ hạn các khoản lãi hoặc gốc, khả năng bên nợ bị phá sản hoặc có sự tái cơ cấu tài chính và các dữ liệu có thể quan sát cho thấy rằng có sự suy giảm có thể lượng hóa được các luồng tiền dự kiến trong tương lai, chẳng hạn như sự thay đổi về điều kiện trả nợ, tình hình tài chính gắn liền với khả năng vỡ nợ. Khi có bằng chứng về việc giảm giá trị, số dư dự phòng được trích lập được xác định trên cơ sở sự khác biệt giữa giá trị phân bổ và giá trị hợp lý tại thời điểm đánh giá. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay".

Các khoản cho vay được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính. Dự phòng cho các khoản cho vay được trích lập dựa trên mức tổn thất ước tính, được tính bằng phần chênh lệch giữa giá trị thị trường của chứng khoán được dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản cho vay và số dư của khoản cho vay đó. Tăng hoặc giảm số dư khoản dự phòng được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay".

2.5 . Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Khoản đầu tư dài hạn khác được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm: căn cứ vào Báo cáo tài chính của đơn vị nhận đầu tư tại thời điểm trích lập dự phòng.

2.6 . Các khoản phải thu ngắn hạn, dài hạn

Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính: phản ánh toàn bộ các khoản phải thu và dự thu về cổ tức, tiền lãi của các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty.

Phải thu các dịch vụ Công ty cung cấp: phản ánh các khoản phải thu của Công ty với Sở Giao dịch chứng khoán, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD), với Nhà đầu tư là khách hàng của Công ty, với Tổ chức phát hành chứng khoán hoặc bảo lãnh phát hành chứng khoán, các khoản phải thu từ các hoạt động kinh doanh giao dịch chứng khoán.

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN SHINHAN VIỆT NAM

Phòng 2201, lầu 22 và Phòng 805, lầu 08 tòa nhà Centec,
72-74 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3,
TP.Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu: được trích lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn, đang bị cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết.

Mức trích lập dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định theo Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 08/08/2019 như sau:

Thời gian quá hạn	Mức trích dự phòng
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

2.7 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	08 năm
- Máy móc, thiết bị	08 năm
- Thiết bị văn phòng	08 năm
- Quyền sử dụng đất lâu dài	Không trích khấu hao
- Phần mềm giao dịch	08 năm

2.8 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.9 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí hoạt động kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.10 . Các khoản nợ phải trả ngắn hạn, dài hạn

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN SHINHAN VIỆT NAM

Phòng 2201, lầu 22 và Phòng 805, lầu 08 tòa nhà Centec,
72-74 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3,
TP.Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

Các khoản vay: phản ánh tình hình phát hành trái phiếu và thanh toán trái phiếu; phản ánh các khoản tiền vay tạm thời và tình hình trả nợ tiền vay của Công ty với Ngân hàng, Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam, Quỹ Hỗ trợ thanh toán hoặc các đối tượng cho vay khác theo quy định về hoạt động vay áp dụng đối với công ty chứng khoán.

Các khoản phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán: phản ánh tình hình thanh toán về các khoản phí hoạt động kinh doanh, dịch vụ chứng khoán cho Sở Giao dịch Chứng khoán, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD), phải trả đại lý phát hành chứng khoán của Công ty.

2.11 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

2.12 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: chi phí lãi tiền vay phải trả được ghi nhận vào chi phí hoạt động kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.13 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối của Công ty bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện. Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối của Công ty lũy kế tính đến cuối năm trước là cơ sở để phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu. Lợi nhuận chưa thực hiện tính đến cuối năm trước không là cơ sở phân phối cho chủ sở hữu.

Lợi nhuận đã thực hiện là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào Báo cáo kết quả hoạt động của Công ty lũy kế phát sinh trong năm. Số lợi nhuận được sử dụng để phân phối cho các chủ sở hữu phải trừ đi số lỗ đã thực hiện lũy kế tính từ đầu năm nay và số lỗ chưa thực hiện lũy kế tính đến thời điểm phân phối lãi cho chủ sở hữu. Việc phân phối lợi nhuận của Công ty cho chủ sở hữu phải đảm bảo rõ ràng, minh bạch và theo đúng quy định của pháp luật doanh nghiệp, chứng khoán và các pháp luật hiện hành khác có liên quan đối với công ty chứng khoán, điều lệ công ty chứng khoán, Nghị quyết của Hội đồng thành viên. Lợi nhuận đã thực hiện được phân phối thu nhập cho thành viên góp vốn sau khi đã trừ đi các nghĩa vụ thuế phải nộp tính trên khoản thu nhập được hưởng.

Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế đã thực hiện hàng năm để trích lập các quỹ theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06/10/2014 như sau:

<u>Quỹ</u>	<u>Mức trích từ lợi nhuận sau thuế</u>	<u>Mức trích tối đa</u>
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5%	10% vốn điều lệ
Quỹ dự trữ bắt buộc	5%	10% vốn điều lệ

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN SHINHAN VIỆT NAM

Phòng 2201, lầu 22 và Phòng 805, lầu 08 tòa nhà Centec,
72-74 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3,
TP.Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

2.14 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch của ngân hàng thương mại tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại như sau:

- Các khoản mục tài sản được đánh giá lại sử dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Các khoản mục nợ phải trả được đánh giá lại sử dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động.

2.15 . Doanh thu, thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo tình hình tài chính của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo tình hình tài chính;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập bán các tài sản tài chính tự doanh FVTPL được xác định là số chênh lệch giữa giá bán và giá vốn theo số lượng các tài sản tài chính FVTPL đã bán ra. Thu nhập bán các tài sản tài chính là thu nhập đã thực hiện.

Thu nhập do đánh giá tăng các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý. Thu nhập đánh giá lại các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính FVTPL là thu nhập chưa thực hiện.

Thu nhập phát sinh từ các tài sản tài chính tự doanh FVTPL, HTM, các khoản cho vay bao gồm: lãi cho vay phát sinh từ các khoản cho vay phù hợp với quy định của Luật chứng khoán; cổ tức, lợi nhuận được chia phát sinh từ cổ phiếu, lãi trái phiếu; lãi phát sinh từ các khoản tiền gửi cố định.

Cổ tức, lợi nhuận được chia phát sinh từ các tài sản tài chính thuộc danh mục đầu tư của Công ty: FVTPL, HTM được ghi nhận khi công ty được quyền nhận cổ tức từ quyền sở hữu cổ phiếu đã được xác lập.

2.16 . Chi phí hoạt động và chi phí quản lý công ty

Chi phí được ghi nhận khi có khả năng làm giảm các lợi ích kinh tế tại thời điểm phát sinh hoặc có thể xác định được một cách chắc chắn phát sinh, không phân biệt đã được thanh toán hay chưa.

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN SHINHAN VIỆT NAM

Phòng 2201, lầu 22 và Phòng 805, lầu 08 tòa nhà Centec,
72-74 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3,
TP.Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

2.17 . Doanh thu tài chính, chi phí hoạt động tài chính

Doanh thu tài chính bao gồm

- Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái;
- Doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng không cố định.

Chi phí hoạt động tài chính bao gồm

- Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái;
- Chi phí lãi vay.

2.18 . Các khoản thuế

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Chính sách ưu đãi thuế

Theo Nghị quyết số 116/2020/QH14 ngày 19/06/2020 về giảm thuế TNDN phải nộp của năm 2020 đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp và tổ chức khác và Nghị định số 114 ngày 25/09/2020 quy định chi tiết thi hành nghị quyết số 116/2020/QH14 thì Công ty được giảm 30% số thuế TNDN phải nộp của kỳ tính thuế TNDN năm 2020.

c) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020.

2.19 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.



CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN SHINHAN VIỆT NAM

Phòng 2201, lầu 22 và Phòng 805, lầu 08 tòa nhà Centec,
72-74 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3,
TP.Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

2.20 . Thông tin bộ phận

Hoạt động kinh doanh dịch vụ chiếm trên 90% tỷ trọng toàn bộ hoạt động của Công ty và chủ yếu diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam, do đó Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

3 . GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN TRONG NĂM

	Khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm	Giá trị khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm VND
Của Công ty Chứng khoán	2.400.290	536.533.531.520
- Trái phiếu	2.400.290	536.533.531.520
Của nhà đầu tư	112.677.344	2.223.464.035.200
- Cổ phiếu	112.517.594	2.220.984.009.600
- Chứng chỉ quỹ	159.750	2.480.025.600
	115.077.634	2.759.997.566.720

4 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Tiền mặt tại quỹ	93.343.000	68.618.000
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Công ty	89.654.759.134	11.074.688.701
Các khoản tương đương tiền	-	202.000.000.000
	89.748.102.134	213.143.306.701

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN SHINHAN VIỆT NAM

Phòng 2201, lầu 22 và Phòng 805, lầu 08 tòa nhà Centec,
72-74 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3,
TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

5 . CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH**a) Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)**

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
- Cổ phiếu niêm yết	3.429.058	7.789.800	3.429.058	5.870.550
- Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	35.000.000.000	35.000.000.000	208.000.000.000	208.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	203.000.000.000	203.000.000.000	147.000.000.000	147.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	155.000.000.000	155.000.000.000	-	-
- Chứng chỉ tiền gửi của Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam	41.000.000.000	41.000.000.000	-	-
- Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	85.000.000.000	85.000.000.000	71.000.000.000	71.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Phát triển Tp. Hồ Chí Minh	85.000.000.000	85.000.000.000	-	-
- Chứng chỉ tiền gửi của Công ty Tài chính TNHH MTV Home Credit	120.000.000.000	120.000.000.000	-	-
	724.003.429.058	724.007.789.800	426.003.429.058	426.005.870.550

Các khoản tiền gửi có kỳ hạn và chứng chỉ tiền gửi của Công ty có kỳ hạn từ 06 đến 24 tháng được gửi tại các Ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4,2% đến 6,3%/năm.

Đối với các khoản tiền gửi có kỳ hạn và chứng chỉ tiền gửi, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý. Theo đó giá trị hợp lý được ước tính bằng giá gốc của khoản đầu tư.

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN SHINHAN VIỆT NAM

Phòng 2201, lầu 22 và Phòng 805, lầu 08 tòa nhà Centec,
72-74 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3,
TP.Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
b) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)		
Trái phiếu kỳ hạn 03 năm của Công ty Cổ phần An Phát Xanh (Đáo hạn ngày 08/11/2021)	100.000.000.000	-
Trái phiếu kỳ hạn 02 năm của Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam (Đáo hạn ngày 16/05/2020)	-	100.000.000.000
	100.000.000.000	100.000.000.000
c) Các khoản cho vay		
Hoạt động margin	401.266.148.615	-
Hoạt động ứng trước tiền bán	4.840.384.464	-
	406.106.533.079	-
6 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN		
	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư	23.500.197.296	11.936.394.546
Phải thu lãi hoạt động Margin	4.277.006.087	-
Phải thu lãi hoạt động ứng trước tiền bán	7.299.956	-
Phải thu các dịch vụ Công ty chứng khoán cung cấp	182.876.076	76.022.971
- <i>Phải thu các dịch vụ khác</i>	182.876.076	76.022.971
	27.967.379.415	12.012.417.517
7 . HÀNG TỒN KHO		
	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Công cụ, dụng cụ	253.560.000	253.560.000
	253.560.000	253.560.000
8 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC		
a) Chi phí trả trước ngắn hạn		
	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Phí bảo trì phần mềm, hệ thống	908.782.415	875.428.980
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	310.817.105	257.412.123
	1.219.599.520	1.132.841.103

23
CÔNG
TY TNHH
CHỨNG
KHOÁN
SHINHAN
VIỆT NAM
- T. P.

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN SHINHAN VIỆT NAM

Phòng 2201, lầu 22 và Phòng 805, lầu 08 tòa nhà Centec,
72-74 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3,
TP.Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
b) Chi phí trả trước dài hạn		
Công cụ dụng cụ phân bổ dài hạn	838.820.692	106.058.341
Chi phí trả trước dài hạn khác	291.416.675	438.441.147
	1.130.237.367	544.499.488
9 . CẦM CỐ, THẾ CHẤP, KÝ QUỸ, KÝ CƯỢC		
a) Ngắn hạn		
Đặt cọc thuê nhà cho quản lý người nước ngoài	339.448.000	-
	339.448.000	-
b) Dài hạn		
Ký cược, ký quỹ tiền thuê văn phòng	1.082.880.000	516.780.000
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược khác	15.000.000	15.000.000
	1.097.880.000	531.780.000
10 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC		
Thuế Giá trị gia tăng	196.768.093	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	2.048.232.321	-
	2.245.000.414	-
11 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ DÀI HẠN		
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	60.000.000.000	130.280.109.589
- Trái phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư Thế giới Di động	-	30.280.109.589
- Trái phiếu Công ty Cổ phần An Phát Xanh	-	100.000.000.000
- Trái phiếu Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings ⁽¹⁾	60.000.000.000	-
Đầu tư dài hạn khác ⁽²⁾	45.160.443.113	-
- Công ty TNHH Logisvalley Vina	45.160.443.113	-
	105.160.443.113	130.280.109.589

(1) Trái phiếu Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings có số lượng 600 trái phiếu, mệnh giá 100.000.000 đồng/ trái phiếu, thời hạn 3 năm, trái phiếu với lãi suất 8%/năm.

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN SHINHAN VIỆT NAM

Phòng 2201, lầu 22 và Phòng 805, lầu 08 tòa nhà Centec,
72-74 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3,
TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

(2) Đầu tư dài hạn khác

Thông tin chi tiết về khoản đầu tư dài hạn khác vào ngày 31/12/2020 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Logisvalley Vina	Bắc Ninh	10,00%	10,00%	Kinh doanh cho thuê hạ tầng, nhà xưởng

12 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá				
Tại ngày 01/01/2020	1.289.081.100	13.348.726.992	10.497.813.957	25.135.622.049
Mua trong năm		-	3.524.797.930	3.524.797.930
Tại ngày 31/12/2020	1.289.081.100	13.348.726.992	14.022.611.887	28.660.419.979
Giá trị hao mòn lũy kế				
Tại ngày 01/01/2020	1.160.173.010	6.272.092.590	6.786.989.391	14.219.254.991
Khấu hao trong năm	128.908.090	1.648.731.252	1.047.825.147	2.825.464.489
Tại ngày 31/12/2020	1.289.081.100	7.920.823.842	7.834.814.538	17.044.719.480
Giá trị còn lại				
Tại ngày 01/01/2020	128.908.090	7.076.634.402	3.710.824.566	10.916.367.058
Tại ngày 31/12/2020	-	5.427.903.150	6.187.797.349	11.615.700.499

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 3.788.205.107 đồng.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản cố định này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

13 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm giao dịch, kế toán VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2020	314.420.000	14.337.355.600	14.651.775.600
Tại ngày 31/12/2020	314.420.000	14.337.355.600	14.651.775.600
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2020	-	6.782.245.561	6.782.245.561
Khấu hao trong năm	-	1.625.179.464	1.625.179.464
Tại ngày 31/12/2020	-	8.407.425.025	8.407.425.025
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2020	314.420.000	7.555.110.039	7.869.530.039
Tại ngày 31/12/2020	314.420.000	5.929.930.575	6.244.350.575

Giá trị quyền sử dụng đất là quyền sử dụng đất lâu dài tại địa chỉ 293/9 Tunnel Thiện Vương, phường 11, quận 8, Tp. Hồ Chí Minh với diện tích 36,98 m²; đang được sử dụng làm nhà kho cất trữ hồ sơ tài liệu của Công ty.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản cố định này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN SHINHAN VIỆT NAM

Phòng 2201, lầu 22 và Phòng 805, lầu 08 tòa nhà Centec,
72-74 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3,
TP.Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

14 . VAY NGẮN HẠN

	01/01/2020	Số vay trong năm	Số trả trong năm	31/12/2020
	VND	VND	VND	VND
- Ngân hàng Woori Việt Nam ⁽¹⁾	-	480.000.000.000	(335.000.000.000)	145.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam ⁽²⁾	-	139.591.862.864	(83.591.862.864)	56.000.000.000
- Ngân hàng Daegu Bank Việt Nam ⁽³⁾	-	100.000.000.000	-	100.000.000.000
- Ngân hàng TNHH Shinhan ⁽⁴⁾	-	20.000.000.000	-	20.000.000.000
- Ngân hàng Busan Bank Việt Nam ⁽⁵⁾	-	25.000.000.000	-	25.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng ⁽⁶⁾	-	154.000.000.000	(101.005.547.822)	52.994.452.178
- Ngân hàng TMCP Phát triển Tp. Hồ Chí Minh ⁽⁷⁾	-	30.000.000.000	(8.047.600)	29.991.952.400
- Ngân hàng TNHH Shinhan HongKong ⁽⁸⁾	-	348.157.500.000	(232.757.500.000)	115.400.000.000
	<u>-</u>	<u>1.296.749.362.864</u>	<u>(752.362.958.286)</u>	<u>544.386.404.578</u>

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay:

(1) Hợp đồng tín dụng số VN120009443 ngày 18/05/2020 với một số điều khoản sau:

- + Hạn mức vay: 209,7 tỷ đồng;
- + Mục đích vay: vay bổ sung vốn lưu động;
- + Thời hạn vay: 12 tháng;
- + Lãi suất cho vay: lãi suất thả nổi.

(2) Hợp đồng thấu chi số 01/2020/1981984/HĐTC ngày 18/05/2020 và số 02/2020/1981984/HĐTC ngày 30/12/2020 với một số điều khoản sau:

- + Giá trị hạn mức thấu chi: 56 tỷ đồng;
- + Mục đích vay: Bù đắp thiếu hụt thanh toán (vốn ngắn hạn) tạm thời do không cân đối kịp dòng tiền thanh toán, hoặc do đặc điểm, yêu cầu kinh doanh theo tính thời vụ;
- + Thời hạn hiệu lực của hạn mức thấu chi: từ ngày 18/05/2020 đến ngày 12/04/2021 và từ ngày 30/12/2020 đến ngày 29/01/2021;
- + Lãi suất cho vay: 6,90%/năm, lãi suất được điều chỉnh 3 tháng/lần theo thông báo của ngân hàng.

(3) Hợp đồng tín dụng số LNL34920100003 ngày 12/10/2020 và số LNA34920100001 ngày 10/12/2020 với một số điều khoản sau:

- + Hạn mức vay: 100.000.000.000 VNĐ;
- + Mục đích vay: bổ sung vốn phục vụ hoạt động kinh doanh;
- + Thời hạn vay: từ 12/10/2020 đến 12/10/2021 và từ 10/12/2020 đến 30/06/2021;
- + Lãi suất cho vay: 4,4%/năm.

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN SHINHAN VIỆT NAM

Phòng 2201, lầu 22 và Phòng 805, lầu 08 tòa nhà Centec,
72-74 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3,
TP.Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

- (4) Hợp đồng tín dụng số 130002781662 ngày 30/10/2020 với một số điều khoản sau:
- + Hạn mức vay: 20.000.000.000 VNĐ;
 - + Mục đích vay: mua chứng chỉ tiền gửi của Công ty Tài Chính MTV Home Credit Việt Nam;
 - + Thời hạn vay: 1 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên;
 - + Lãi suất cho vay: Lãi suất cố định trong suốt thời gian cho vay là 5.80%/năm.
- (5) Hợp đồng tín dụng số 604 - 2020 00037 - 01 ngày 24/11/2020 với một số điều khoản sau:
- + Hạn mức vay: 25.000.000.000 VNĐ;
 - + Mục đích vay: tái tài trợ mua chứng chỉ tiền gửi;
 - + Thời hạn vay: từ ngày 09/12/2020 đến ngày 02/07/2021;
 - + Lãi suất cho vay: lãi suất MFC 3 tháng (lãi suất tương đương của kỳ hạn liên quan) + 0% mỗi năm. Thời hạn điều chỉnh lãi suất MFC được thực hiện mỗi 03 tháng kể từ ngày giải ngân.
- (6) Hợp đồng cho vay hạn mức thấu chi tài khoản số 447/2020/HDTC/CMB ngày 18/12/2020 với một số điều khoản sau:
- + Hạn mức thấu chi: 85.000.000.000 đồng;
 - + Mục đích vay: bổ sung vốn phục vụ hoạt động kinh doanh;
 - + Thời hạn vay: kể từ ngày ký kết hợp đồng đến ngày 01/03/2021;
 - + Lãi suất cho vay: 6,70%/năm.
- (7) Hợp đồng sử dụng hạn mức tối ưu thanh khoản số 728/2020/TUWTK - NĐC ngày 18/12/2020 với một số điều khoản sau:
- + Hạn mức tối ưu thanh khoản tối đa: bằng 95% tổng số dư các khoản tiền gửi có kỳ hạn được sử dụng làm bảo đảm cho Hạn mức tối ưu thanh khoản;
 - + Mục đích vay: phục vụ hoạt động kinh doanh;
 - + Thời hạn sử dụng Hạn mức tối ưu thanh khoản: theo thời hạn còn lại của khoản tiền gửi có kỳ hạn có ngày đáo hạn xa nhất bảo đảm cho Hạn mức tối ưu thanh khoản và tối đa không quá 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng này (tức đến hết ngày 01/03/2021);
 - + Lãi suất: Mức lãi suất áp dụng đối với khoản chi vượt trong hạn trên tài khoản TTTUTK 8%/năm.
- (8) Hợp đồng tín dụng số 2020-12-SSV ngày 31/12/2020 với một số điều khoản sau:
- + Hạn mức vay: 10.000.000 USD;
 - + Mục đích vay: phục vụ hoạt động kinh doanh;
 - + Thời hạn vay: đến 15/12/2021;
 - + Gốc vay tại thời điểm 31/12/2020 là: 5.000.000 USD (tương đương 115.400.000.000 đồng);
 - + Lãi suất cho vay: thả nổi theo lãi suất LIBOR kỳ hạn 3 tháng và cộng biên độ 1,15%/năm, thanh toán lãi định kỳ 3 tháng một lần kể từ ngày giải ngân.

15 . PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	<u>31/12/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	VNĐ	VNĐ
Phải trả Sở Giao dịch chứng khoán	147.617.455	12.779.421
Phải trả Trung tâm lưu ký chứng khoán	28.033.832	14.045.801
	<u>175.651.287</u>	<u>26.825.222</u>

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN SHINHAN VIỆT NAM

Phòng 2201, lầu 22 và Phòng 805, lầu 08 tòa nhà Centec,
72-74 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3,
TP.Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

16 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Công ty TNHH Jeong San Vina	360.986.302	360.986.302
Phải trả các đối tượng khác	355.389.339	-
	716.375.641	360.986.302

17 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	180.188.474
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	4.012.859.382
Thuế Thu nhập cá nhân	599.348.555	894.069.558
Các loại thuế khác	54.842.689	27.869.214
	654.191.244	5.114.986.628

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

18 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Chi phí lãi vay phải trả	452.592.943	-
Chi phí hoạt động công ty chứng khoán	563.900.835	302.533.993
	1.016.493.778	302.533.993

19 . VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU**a) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ (%)	31/12/2020 VND	Tỷ lệ (%)	01/01/2020 VND
Shinhan Investment Corp.	100,00%	812.600.000.000	100,00%	812.600.000.000
	100%	812.600.000.000	100%	812.600.000.000

b) Lợi nhuận chưa phân phối

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối	107.359.500.892	77.995.724.892
Lợi nhuận chưa thực hiện	2.134.444	6.533.608
	107.361.635.336	78.002.258.500

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN SHINHAN VIỆT NAM

Phòng 2201, lầu 22 và Phòng 805, lầu 08 tòa nhà Centec,
72-74 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3,
TP.Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

c) Tình hình phân phối thu nhập cho các thành viên góp vốn

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối năm trước	77.995.724.892	25.024.632.976
Lãi chưa thực hiện tính đến cuối năm tài chính	2.134.444	6.533.608
Lãi đã thực hiện năm nay tính từ đầu năm	32.625.928.982	58.948.253.980
Cơ sở lợi nhuận phân phối cho các thành viên góp vốn tính đến cuối năm tài chính	110.621.653.874	83.972.886.956
Số trích các quỹ từ lợi nhuận	(3.262.152.982)	(5.977.162.064)
- Quỹ dự trữ điều lệ	(1.631.076.491)	(2.988.581.032)
- Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	(1.631.076.491)	(2.988.581.032)
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối tính đến cuối năm	107.359.500.892	77.995.724.892

20 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	312	286
	312	286

21 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	747.335.740.000	191.458.540.000
Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	10.000.000.000	-
Tài sản tài chính chờ thanh toán	6.923.300.000	29.000.000
	764.259.040.000	191.487.540.000

22 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH ĐÃ LƯU KÝ TẠI VSD VÀ CHƯA GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	32.460.000	-
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng	250.160.000.000	250.000.000.000
	250.192.460.000	250.000.000.000

23 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH CHỜ VỀ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư	6.524.100.000	42.400.000
	6.524.100.000	42.400.000

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN SHINHAN VIỆT NAM

Phòng 2201, lầu 22 và Phòng 805, lầu 08 tòa nhà Centec,
72-74 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3,
TP.Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

24 . TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	11.092.795.645	914.883.388
1. Nhà đầu tư trong nước	8.765.246.406	51.518.785
2. Nhà đầu tư nước ngoài	2.327.549.239	863.364.603
Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	873.863.000	23.905.716
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư	12.279.541.000	17.697.501
1. Nhà đầu tư trong nước	10.705.049.000	3.980.000
2. Nhà đầu tư nước ngoài	1.574.492.000	13.717.501
	24.246.199.645	956.486.605

25 . PHẢI TRẢ NHÀ ĐẦU TƯ

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
1. Phải trả Nhà đầu tư - Tiền gửi của Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	24.241.965.305	952.252.265
1.1 Nhà đầu tư trong nước	19.465.951.066	51.228.573
1.2 Nhà đầu tư nước ngoài	4.776.014.239	901.023.692
	24.241.965.305	952.252.265

26 . PHẢI TRẢ CỔ TỨC, GỐC VÀ LÃI TRÁI PHIẾU

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu cho Nhà đầu tư	4.234.340	4.234.340
	4.234.340	4.234.340

27 . PHẢI TRẢ VAY CÔNG TY CHỨNG KHOÁN CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
1. Phải trả nghiệp vụ margin	405.543.154.702	-
1.1 Phải trả gốc margin	401.266.148.615	-
<i>Nhà đầu tư trong nước</i>	401.266.148.615	-
1.2 Phải trả lãi margin	4.277.006.087	-
<i>Nhà đầu tư trong nước</i>	4.277.006.087	-
2. Phải trả nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán	4.847.684.420	-
2.1 Phải trả gốc nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán	4.840.384.464	-
<i>Nhà đầu tư trong nước</i>	4.840.384.464	-
2.2 Phải trả lãi nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán	7.299.956	-
<i>Nhà đầu tư trong nước</i>	7.299.956	-
	410.390.839.122	-

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN SHINHAN VIỆT NAM

Báo cáo tài chính

Phòng 2201, lầu 22 và Phòng 805, lầu 08 tòa nhà Centec, 72-74 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

28 . THU NHẬP**a) Lãi, lỗ bán các tài sản tài chính**

	Số lượng bán	Tổng giá trị bán VND	Tổng giá vốn VND	Lãi, lỗ bán chứng khoán năm nay		Lãi, lỗ bán chứng khoán năm trước	
				Lãi	Lỗ	Lãi	Lỗ
Trái phiếu niêm yết		124.942.800.000	121.240.800.000	3.702.000.000	-	1.500.000.000	-
- Trái phiếu Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan	1.200.000	124.942.800.000	121.240.800.000	3.702.000.000	-	1.500.000.000	-
		124.942.800.000	121.240.800.000	3.702.000.000	-	1.500.000.000	-



CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN SHINHAN VIỆT NAM

Phòng 2201, lầu 22 và Phòng 805, lầu 08 tòa nhà Centec,
72-74 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3,
TP.Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

b) Cổ tức và tiền lãi phát sinh từ các tài sản tài chính FVTPL, các khoản cho vay, HTM, AFS	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Từ tài sản tài chính FVTPL	44.335.277.693	46.147.561.700
Từ tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	20.596.876.807	21.587.096.478
Từ các khoản cho vay	9.515.115.795	-
	74.447.270.295	67.734.658.178
c) Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán		
	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Doanh thu phí giao dịch chứng khoán môi giới	4.052.172.518	3.565.553.523
Doanh thu môi giới khác	11.080.000.000	-
Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	165.195.994	69.768.000
	15.297.368.512	3.635.321.523
d) Doanh thu hoạt động tư vấn đầu tư, tư vấn tài chính		
	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Thu phí tư vấn tìm đối tác tiềm năng cho khách hàng	-	231.851.564
Thu phí dịch vụ tư vấn, kiểm tra và giám sát hoạt động công ty mục tiêu của khách hàng	-	302.612.956
Thu phí dịch vụ tư vấn, giám sát hoạt động liên quan đến thỏa thuận cấp tín dụng và hoạt động thu xếp tín dụng	16.082.877.242	35.644.873.836
Doanh thu hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán	2.304.594.801	-
Thu phí tư vấn, đại lý phát hành trái phiếu	200.000.000	854.272.727
	18.587.472.043	37.033.611.083
29 . CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG		
a) Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán		
	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Phí giao dịch chứng khoán môi giới	721.930.464	560.520.426
Phí quản lý thành viên và phí định kỳ hàng năm phân bổ cho hoạt động môi giới	450.000.000	450.000.000
Chi phí nhân viên	4.372.782.063	931.966.056
Công cụ dụng cụ	80.360.404	40.000.000
Khấu hao tài sản cố định	3.251.662.431	3.194.457.117
Chi phí khác	3.322.872.213	3.789.889.756
	12.199.607.575	8.966.833.355

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN SHINHAN VIỆT NAM

Phòng 2201, lầu 22 và Phòng 805, lầu 08 tòa nhà Centec,
72-74 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3,
TP.Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

b) Chi phí hoạt động tư vấn đầu tư và tư vấn tài chính

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chi phí nhân viên	11.473.090.311	9.653.997.976
Công cụ dụng cụ	84.698.068	-
Khấu hao tài sản cố định	111.874.077	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.754.416.480	3.333.524.952
Chi phí khác	515.827.924	553.047.754
	17.939.906.860	13.540.570.682

30 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	63.514.472	48.545.067
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	63.514.472	44.452.951
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	4.092.116
Doanh thu lãi liên gửi không kỳ hạn	31.594.400	13.038.126
	95.108.872	61.583.193

31 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái	21.789.183	29.698.197
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	19.562.885	29.698.197
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	2.226.298	-
Chi phí lãi vay	5.683.199.655	7.024.347.201
	5.704.988.838	7.054.045.398

32 . CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chi phí lương và các khoản theo lương	19.620.987.343	10.341.216.526
Kinh phí công đoàn, BHXH, BHYT, BHTN	886.655.682	666.109.270
Chi phí vật tư văn phòng	93.376.000	51.137.611
Chi phí công cụ, dụng cụ	113.413.069	78.151.664
Chi phí khấu hao TSCĐ, BĐSĐT	1.087.107.445	1.031.208.309
Chi phí thuế, phí và lệ phí	3.000.000	7.905.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.101.875.473	4.677.290.636
Chi phí khác	3.226.935.323	2.387.362.429
	34.133.350.335	19.240.381.445

33 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	33.271.583
Các khoản bị phạt	81.976.518	120.000.000
Các khoản khác	6.987	2.329
	81.983.505	153.273.912

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN SHINHAN VIỆT NAM

Phòng 2201, lầu 22 và Phòng 805, lầu 08 tòa nhà Centec,
72-74 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3,
TP.Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

34 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	38.044.568.026	73.892.010.815
Các khoản điều chỉnh tăng	691.419.177	822.514.988
- Chi phí không hợp lệ	691.419.177	822.514.988
Thu nhập chịu thuế TNDN	38.735.987.203	74.714.525.803
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (thuế suất 20%)	7.747.197.442	14.942.905.161
Thuế TNDN được giảm theo Nghị định 114/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 (30% chi phí thuế TNDN phải nộp)	2.324.159.234	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi được giảm	5.423.038.208	14.942.905.161
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	4.012.859.382	3.719.284.846
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(11.484.129.911)	(14.649.330.625)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cuối năm	(2.048.232.321)	4.012.859.382

35 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc/ Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc/ Giá trị hợp lý	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	89.748.102.134	-	213.143.306.701	-
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	724.007.789.800	-	426.005.870.550	-
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	160.000.000.000	-	230.280.109.589	-
Các khoản cho vay	406.106.533.079	-	-	-
Các khoản phải thu	27.967.379.415	-	12.012.417.517	-
	1.407.829.804.428	-	881.441.704.357	-
			31/12/2020	01/01/2020
			VND	VND
Vay và nợ			544.386.404.578	-
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán và phải trả khác			909.981.963	525.766.559
Chi phí phải trả			1.016.493.778	302.533.993
			546.312.880.319	828.300.552

Theo quy định tại Thông tư 210/2009/TT-BTC, Thông tư 146/2014/TT-BTC, và Thông tư 334/2016/TT-BTC, tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính.

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN SHINHAN VIỆT NAM

Phòng 2201, lầu 22 và Phòng 805, lầu 08 tòa nhà Centec,
72-74 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3,
TP.Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư.

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
Tại ngày 31/12/2020				
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	724.007.789.800	-	-	724.007.789.800
	<u>724.007.789.800</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>724.007.789.800</u>
Tại ngày 01/01/2020				
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	426.005.870.550	-	-	426.005.870.550
	<u>426.005.870.550</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>426.005.870.550</u>

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN SHINHAN VIỆT NAM

Phòng 2201, lầu 22 và Phòng 805, lầu 08 tòa nhà Centec,
72-74 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3,
TP.Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2020				
Tiền và các khoản trương đương tiền	89.748.102.134	-	-	89.748.102.134
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	100.000.000.000	60.000.000.000	-	160.000.000.000
Các khoản cho vay	406.106.533.079	-	-	406.106.533.079
Các khoản phải thu	27.967.379.415	-	-	27.967.379.415
	623.822.014.628	60.000.000.000	-	683.822.014.628
Tại ngày 01/01/2020				
Tiền và các khoản trương đương tiền	213.143.306.701	-	-	213.143.306.701
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	100.000.000.000	130.280.109.589	-	230.280.109.589
Các khoản phải thu	12.012.417.517	-	-	12.012.417.517
	325.155.724.218	130.280.109.589	-	455.435.833.807

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2020				
Vay và nợ	544.386.404.578	-	-	544.386.404.578
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán và phải trả khác	909.981.963	-	-	909.981.963
Chi phí phải trả	1.016.493.778	-	-	1.016.493.778
	546.312.880.319	-	-	546.312.880.319

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN SHINHAN VIỆT NAM

Phòng 2201, lầu 22 và Phòng 805, lầu 08 tòa nhà Centec,
72-74 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3,
TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2020				
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán và phải trả khác	525.766.559	-	-	525.766.559
Chi phí phải trả	302.533.993	-	-	302.533.993
	828.300.552	-	-	828.300.552

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

35 . CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty đang thuê 2 phòng tại tòa nhà Centec, 72-74 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh làm trụ sở kinh doanh chi tiết như sau:

- Phòng 2201 lầu 22 có diện tích 264 m². Hợp đồng thuê có thời hạn 03 năm, hết hạn vào ngày 31 tháng 07 năm 2021, giá thuê 517.500 đồng/m²/tháng, tiền thuê thanh toán mỗi 3 tháng;

- Phòng 805 lầu 08 có diện tích 200 m². Hợp đồng thuê có thời hạn thuê 15/02/2020 đến 31/03/2023 với đơn giá tiền thuê là 775.500 đồng/m²/tháng, tiền thuê thanh toán mỗi 3 tháng.

37 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

38 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Doanh thu			
Shinhan Investment Corp.	Công ty mẹ	6.304.599.119	8.914.103.592
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	Cùng Tập đoàn	13.217.532.658	48.986.280
Công ty TNHH Tài chính Shinhan Việt Nam	Cùng Tập đoàn	-	6.987.272.727
Mua hàng			
Shinhan Investment Corp.	Công ty mẹ	907.637.989	-
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	Cùng Tập đoàn	2.035.000	2.750.000
Ngân hàng Shinhan Hong Kong	Cùng Tập đoàn	472.800.038	-
Lãi vay			
Ngân Hàng Shinhan bank HongKong	Cùng Tập đoàn	2.351.700.452	4.299.072.262
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	Cùng Tập đoàn	2.047.188.144	51.986.301
Lãi tiền gửi			
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	Cùng Tập đoàn	13.039.201.966	1.343.511.777



CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN SHINHAN VIỆT NAM

Phòng 2201, lầu 22 và Phòng 805, lầu 08 tòa nhà Centec,
72-74 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 6, Quận 3,
TP.Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính:


	Mối quan hệ	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Tiền và các khoản tương đương tiền			
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	Cùng Tập đoàn	89.314.137.393	9.218.704.863
Tiền gửi có kỳ hạn			
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	Cùng Tập đoàn	35.000.000.000	208.000.000.000
Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn			
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	Cùng Tập đoàn	627.747.945	4.328.027.397
Phải trả khác			
Shinhan Investment Corp.	Công ty mẹ	17.955.035	17.955.035


Ngoài các thông tin về các bên liên quan đã được trình bày ở trên, giao dịch với các bên liên quan khác như sau:


	Chức danh	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Ông Han Bok Hee	Tổng Giám đốc, Chủ tịch bổ nhiệm ngày 14/08/2020	1.391.237.935	
Ông Kwon Hyuk Jun	Tổng Giám đốc miễn nhiệm ngày 14/08/2020	3.689.068.827	2.751.197.321
Ông Kang Sang In	Phó Tổng Giám đốc	3.223.884.216	2.486.967.032
Ông Nguyễn Thanh Phú	Thành viên Ban Kiểm soát	333.153.977	-

39 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.


Phạm Thị Ngọc Nga
Người lập


Phạm Thị Ngọc Nga
Kế toán trưởng



Han Bok Hee
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 03 năm 2021

**CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN
SHINHAN VIỆT NAM**
SHINHAN SECURITIES VIETNAM CO., LTD
Số/No.: 14/2021/CV-SSV
(V/v Giải trình kết quả hoạt động
kinh doanh năm/2020)
(Ref. Explain about business result in năm 2020)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence – Freedom – Happiness
.....00o.....

TPHCM, ngày/day 30 tháng/month 03 năm/year 2021

Kính gửi: - Ủy Ban Chứng khoán Nhà Nước
- Sở giao dịch chứng khoán Tp.HCM
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

To: - State Securities Committee
- Ho Chi Minh Stock Exchange
- Hanoi Stock Exchange

- Căn cứ Luật chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/06/2006 và Luật chứng khoán sửa đổi bổ sung số 62/2010/QH12 ngày 24/11/2010.
Pursuant to Laws on Securities No.70/2006/QH1 dated 29/06/2006 and modified Laws of Securities No. 62/2010/QH12 dated 24/11/2010.
- Căn cứ Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015.
Pursuant to Circular No. 155/2015/TT-BTC dated 06/10/2015.

Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam xin giải trình về chênh lệch lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán so với năm 2019 như sau:

Shinhan Securities Vietnam would like to explain the difference of profit after corporate income tax in the audited financial statement report for the year end 2020 compared with the last year in the same period as below:

Chỉ tiêu/ Items	Y 2020	Y 2019	Chênh lệch/ Difference
Doanh Thu Hoạt Động / Revenue	112,055,763,635	122,869,463,352	
Chi Phí Hoạt Động / Operating expenses	34,185,985,736	22,591,458,606	
Chi Phí Tài Chính/ Financing expenses	95,108,872	61,583,193	
Chi Phí Quản Lý Công Ty Chứng Khoán/ Administration expenses	5,704,988,838	7,054,045,398	
Tổng Lợi Nhuận Kế Toán Trước Thuế/ Profit before tax	38,044,568,026	73,892,010,815	
Thuế TNDN/ Corporate income tax	5,423,038,208	14,942,905,161	
Lợi nhuận sau thuế/ Profit after tax	32,621,529,818	58,949,105,654	-45%



Nguyên nhân chủ yếu là do:

Main reason is due to:

- Doanh thu môi giới tăng so với năm trước, tăng dư nợ các khoản cho vay và phải thu, tuy nhiên sự sụt giảm doanh thu tư vấn nên tổng doanh thu hoạt động giảm.

Revenue from brokerage service and revenue from margin financing service increased compared to the previous year and increasing outstanding loans, however the decline in consulting revenue resulted in a decrease in total operating revenue.

- Chi phí hoạt động tăng cao cùng với thị phần môi giới tăng, phát triển hệ thống

Increasing operating costs along with increased brokerage, margin revenue, and system development.

- Chi phí hoạt động tài chính tăng.

The cost of financial activities increased.

Trên đây là toàn bộ nội dung giải trình về kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020, Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam giải trình để cơ quan chủ quản được rõ.

There in before is all contents explain about business operation result in 2020, Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd explain to in charge institution cleared.

Trân trọng,
Best Regards,

Nơi nhận/ Recipient:

- Như trên/ as above;
- Lưu văn thư/ filing;



HAN BOKHEE

